

Số: 346/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 27 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện đề án
Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) và Giao thông nông thôn (GTNT)
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 13/02/2023 (tiết 01 khoản 07 Thông báo số 41/TB-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 10/TTr-SKHĐT ngày 31/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh năm 2023 cho các địa phương, tổng số tiền: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng*), từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi chưa phân bổ thuộc kế hoạch năm 2023 tại Phụ lục số 03 Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh, để triển khai thực hiện Đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) và Giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó ĐH: 70.000.000.000 đồng và GTNT: 20.000.000.000 đồng), cụ thể như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thị xã có tên tại Phụ lục chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kế hoạch vốn được giao đúng mục đích, hiệu quả; giải ngân kế hoạch vốn theo đúng thời hạn và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và thực hiện báo cáo giám sát đầu tư theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND các huyện, thị xã có tên tại Phụ lục và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CỐ HÓA ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)
VÀ KIÊN CỐ HÓA HỆ THỐNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN (GTNT)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến nay			Kế hoạch vốn năm 2023 phân bổ		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)		Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)
	TỔNG SỐ	430.000,000	249.339,899	180.660,101	90.000,000	70.000,000	20.000,000
1	UBND thị xã Điện Bàn	21.850,216	9.794,676	12.055,540	5.700,000	4.000,000	1.700,000
2	UBND huyện Đại Lộc	25.612,482	13.955,564	11.656,918	5.600,000	4.200,000	1.400,000
3	UBND huyện Duy Xuyên	33.415,680	17.969,892	15.445,788	5.600,000	4.400,000	1.200,000
4	UBND huyện Quế Sơn	24.725,330	13.685,237	11.040,093	6.100,000	4.700,000	1.400,000
5	UBND huyện Nông Sơn	20.272,746	15.209,386	5.063,360	5.100,000	4.500,000	600,000
6	UBND huyện Thăng Bình	34.671,314	22.482,580	12.188,734	8.856,875	6.700,000	2.156,875
7	UBND huyện Núi Thành	44.082,539	27.853,798	16.228,741	7.700,000	6.000,000	1.700,000
8	UBND huyện Phú Ninh	17.508,718	10.000,718	7.508,000	2.800,000	2.800,000	-

TT	Đơn vị	Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến nay			Kế hoạch vốn năm 2023 phân bổ		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)		Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)
9	UBND huyện Hiệp Đức	16.973,163	11.070,113	5.903,050	4.732,268	4.200,000	532,268
10	UBND huyện Tiên Phước	55.316,094	25.838,767	29.477,327	7.400,000	4.400,000	3.000,000
11	UBND huyện Bắc Trà My	17.979,441	10.502,665	7.476,776	3.700,000	2.600,000	1.100,000
12	UBND huyện Nam Trà My	19.575,563	12.856,498	6.719,065	5.810,935	5.100,000	710,935
13	UBND huyện Phước Sơn	24.080,996	14.522,430	9.558,566	4.500,000	3.600,000	900,000
14	UBND huyện Nam Giang	22.900,288	12.726,739	10.173,549	5.300,000	4.100,000	1.200,000
15	UBND huyện Đông Giang	26.428,074	18.828,738	7.599,336	5.300,000	4.300,000	1.000,000
16	UBND huyện Tây Giang	24.607,356	12.042,098	12.565,258	5.799,922	4.400,000	1.399,922